

Bản án số: 83/2019/HS-PT
Ngày 26 - 12 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Danh
Các Thẩm phán: Ông Châu Văn Mỹ
Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trang Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 96/2019/TLPT-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Văn V do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 77/2019/HS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo: Phạm Văn V, sinh năm 1966 tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1927 (đã chết) và bà Lê Thị A, sinh năm 1925 (đã chết); có vợ tên Bùi Thị Q, sinh năm 1963 (đã ly hôn) và 02 con; sống như vợ chồng với bà Trần Thị Út T, sinh năm 1971 và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không, nhân thân: Tốt. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo: Bà Bùi Thị Q, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Khóm 7, Phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau, (có mặt).

- Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại: Bà Lâm Hồng C là Luật sư Công ty Luật hợp danh Tạ Nguyệt T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Bùi Thị Q và bị cáo Phạm Văn V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 1993, đến năm 2017 ly hôn nhưng vẫn còn tài sản chung là một thửa đất thổ cư diện tích 128 m² tại đường C, phường N, thành phố B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0127974 được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 11/3/1998 do bị cáo Phạm Văn V đứng tên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đã được thế chấp cho bà Nguyễn Phương Y vào năm 2005 để vay số tiền 150.000.000 đồng, được Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết tại Bản án số 09/2013/HN – ST ngày 17/01/2013 và Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết tại Bản án số 16/2013/HNGĐ-PT ngày 29/3/2013 nhưng cho đến nay bà Q và ông V vẫn chưa trả số nợ này cho bà Y, nên bà Y vẫn đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này của bà Q và bị cáo V. Để bán được thửa đất nêu trên, ngày 05/10/2017, bị cáo V làm đơn có mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0127974 đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Đến ngày 06/3/2018, bị cáo V được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới số CM 327757. Khoảng tháng 05 năm 2018, bị cáo V bán thửa đất trên cho vợ chồng bà Triệu Thúy K và ông Đặng Thanh B với giá là 440.000.000 đồng. Toàn bộ sự việc làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bán đất này bà Q hoàn toàn không biết. Đến khoảng tháng 8 năm 2018, do cần tiền để trả nợ và tiêu xài nên bị cáo V đã nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền của bà Q bằng cách V đã nhiều lần gọi điện thoại, trực tiếp đến nhà và nơi bà Q làm việc yêu cầu bà Q đưa cho bị cáo V số tiền 150.000.000 đồng thì bị cáo V sẽ giao lại toàn quyền quản lý, định đoạt đối với thửa đất tại phường N, thành phố B cho bà Q nhưng bà Q không đồng ý và nói “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thửa đất này hiện đang thế chấp cho bà Y và nợ chung vẫn chưa trả xong thì ông tính sao*”, bị cáo V không nói gì và ra về. Sau đó, bị cáo V tiếp tục nhiều lần gọi điện thoại và đến thành phố C gặp bà Q nhắc lại nội dung trên, vì tin tưởng và không muốn bị cáo V làm phiền đến cuộc sống của mình nên bà Q đã đồng ý. Bà Q nói với bị cáo V “*Còn khoản nợ 50.000.000 đồng ông nợ em tôi ông tính sao*”, bị cáo V kêu bà Q trả 50.000.000 đồng cho ông T và phần nợ chung đối với bà Y chỉ cần đưa cho bị cáo V 100.000.000 đồng coi như giữa hai bên dứt nợ, sau đó cả hai hẹn nhau ngày 12/10/2018 có mặt tại Bạc Liêu để ký kết văn bản thỏa thuận chia tài sản và giao tiền. Ngày 12/10/2018, bà Q đến nhà bà Y mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0127974, sau đó cùng bị cáo V đi xem đất thực tế tại phường N và đến Phòng công chứng số 1 thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu để làm văn bản thỏa thuận chia tài sản. Sau khi ký kết xong văn bản thỏa thuận chia tài sản có nội dung bị cáo V giao toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0127974 cho bà Q, bà Q giao cho bị cáo V 100.000.000 đồng rồi cả hai ra về, số tiền này bị cáo V đã tiêu xài hết. Đến ngày 24/10/2018, bà Q đến Trung tâm hành chính công thành phố B để làm thủ tục chuyển tên qua cho bà Q đối với thửa đất trên. Đến ngày 04/11/2018, bà Q nhận được thông báo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0127974 bị cáo V đã làm thủ tục đề nghị cấp lại giấy mới và đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông B, bà K. Phát hiện sự việc bị V lừa đảo, bà Q yêu cầu bị cáo V trả lại tiền nhưng bị cáo V không trả nên bà Bùi Thị Q đến

Công an trình báo sự việc. Đối với số tiền 50.000.000 đồng mặc dù bà Q đồng ý trả cho ông T thay cho bị cáo V, tuy nhiên khi phát hiện bị V lừa nên bà Q không trả số tiền này cho ông T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 77/2019/HS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Văn V 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

- Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Phạm Văn V có nghĩa vụ bồi thường cho bà Bùi Thị Q số tiền 100.000.000 đồng. Đối trừ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B theo biên lai thu số 000094 ngày 03/10/2019, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bà Q 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, bị hại Bùi Thị Q kháng cáo yêu cầu xác định giá trị tài sản chiếm đoạt là 320.000.000 đồng nên phải xử phạt bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự; kiến nghị cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đất số CM 327757 ngày 06/3/2018 do bị cáo V đứng tên và giữ y giá trị pháp lý đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0127974 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 11/3/1998 cho Phạm Văn V.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, bị cáo Phạm Văn V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị hại Bùi Thị Q rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu xác định giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 320.000.000 đồng. Bổ sung yêu cầu xem xét tài sản bị cáo chiếm đoạt là 220.000.000 đồng đối với phần đất mà bị cáo V đã chuyển nhượng cho người khác tại phường N, thành phố B, áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần đối với bị cáo và giám định chữ ký của bà Q trong văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung; giữ nguyên yêu cầu kiến nghị cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đất số CM 327757 ngày 06/3/2018 do bị cáo V đứng tên và giữ y giá trị pháp lý đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0127974 do Ủy ban

nhân dân thị xã B cấp ngày 11/3/1998 cho Phạm Văn V, yêu cầu giám định chữ ký của bà Q trong văn bản thỏa thuận chia tài sản chung ngày 22/5/2016.

Luật sư bảo vệ quyền lợi của bị hại trình bày: Thông nhất ý kiến của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn V thỏa mãn dấu hiệu của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, số tiền bị cáo chiếm đoạt là 220.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại Bùi Thị Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại còn trong thời hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận và đưa ra xét xử là hợp pháp. Tại phiên tòa, bị hại rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu xác định số tiền chiếm đoạt là 320.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu rút một phần kháng cáo của bị hại.

Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả số tiền là 21.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà bị cáo nộp khắc phục hậu quả là 26.000.000 đồng, số tiền này chưa được $\frac{1}{2}$ số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tất cả các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử phạt bị cáo với mức án là 02 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với yêu cầu xem xét áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là phạm tội nhiều lần nhưng việc bổ sung này là bất lợi cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét tình tiết này. Đối với kháng cáo yêu cầu xác định số tiền chiếm đoạt là 220.000.000 đồng là không có căn cứ vì bị cáo chỉ chiếm đoạt số tiền của bị hại là 100.000.000 đồng, đối với kiến nghị cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đất số CM 327757 ngày 06/3/2018 do bị cáo V đứng tên và giữ y giá trị pháp lý đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0127974 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 11/3/1998 cho Phạm Văn V, yêu cầu giám định chữ ký của bị hại trong văn bản thỏa thuận phân chia tài sản là giao dịch dân sự nên bị hại có quyền yêu cầu bằng vụ án dân sự khác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn V và bị hại Bùi Thị Q, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại cho bị hại Bùi Thị Q là 74.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại rút một phần kháng cáo yêu cầu xác định giá trị tài sản chiếm đoạt là 320.000.000 đồng. Đồng thời bổ sung yêu cầu kháng cáo là xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt 220.000.000 đồng, áp dụng tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần đối với bị cáo, giám định chữ ký trong văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và giữ nguyên đối với các yêu cầu kháng cáo khác. Xét thấy, việc rút kháng cáo yêu cầu xác định giá trị tài sản chiếm đoạt là 320.000.000 đồng của bị hại là tự nguyện, không liên quan đến kháng cáo khác nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 342 của Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xác định giá trị tài sản chiếm đoạt là 320.000.000 đồng của bị hại.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nên có đủ căn cứ để xác định: Bị cáo V đã gian dối bằng cách đưa ra thông tin thỏa thuận bà Q được toàn quyền sử dụng phần đất thổ cư là tài sản chung của bị cáo với bà Q với điều kiện bà Q giao cho bị cáo 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, phần đất này bị cáo đã chuyển quyền sử dụng cho vợ chồng ông Đặng Thanh B và bà Triệu Thúy K với giá 440.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tài sản là quyền sử dụng đất số E 0127974 được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Phạm Văn V ngày 11/3/1998 có diện tích 128m² tại đường C, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là tài sản chung của vợ chồng bị cáo và bà Q, khi bị cáo và bà Q chưa ly hôn đã thế chấp cho bà Nguyễn Phương Y. Tại Bản án số 16/2013/HNGĐ-PT ngày 29/3/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã buộc bị cáo và bà Q trả cho bà Y số tiền 276.850.000 đồng và bà Y phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị cáo và bà Q. Như vậy, bị cáo biết rõ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Y quản lý nhưng bị cáo đã làm thủ tục báo mất giấy để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới có số CM 327757 ngày 06/3/2018, từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này bị cáo đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông B, bà K giá trị 440.000.000 đồng, dù bị cáo đã nhận tiền và sử dụng toàn bộ số tiền này nhưng sau đó, bị cáo tiếp tục liên hệ và thỏa thuận với bà Q để nhận 100.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sử dụng tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Mặc dù, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp thêm để khắc phục hậu quả số tiền 21.000.000 đồng nhưng tổng số tiền bị cáo khắc phục là 26.000.000 đồng chưa được 1/3 (một phần ba) tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho người bị hại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức án 02 năm tù, chỉ ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu xác định tài sản chiếm đoạt là 220.000.000 đồng và áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần đối với bị cáo, kiến nghị cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đất số CM 327757 ngày 06/3/2018 do bị cáo V đứng tên và giữ y giá trị pháp lý đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0127974 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 11/3/1998, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà Q

cho rằng bị cáo chiếm đoạt của bà 220.000.000 đồng là không có căn cứ, bởi lẽ theo văn bản thỏa thuận chia tài sản ngày 12/10/2018 thì chỉ thỏa thuận giao tài sản cho bà Q là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0127974 ngày 11/3/1998 chứ không thỏa thuận về giá trị tài sản. Thực tế bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để nhận của bị hại 100.000.000 đồng nên bị cáo chỉ chịu trách nhiệm với số tiền chiếm đoạt trên. Do vậy, yêu cầu xác định tài sản chiếm đoạt là 220.000.000 đồng và áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần đối với bị cáo là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu kiến nghị cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đất số CM 327757 ngày 06/3/2018 do bị cáo V đứng tên và giữ y giá trị pháp lý đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0127974 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 11/3/1998, yêu cầu giám định chữ ký của bà Q trong văn bản thỏa thuận phân chia tài sản, xét thấy việc bị cáo và vợ chồng bà K chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 327757 ngày 06/3/2018, văn bản thỏa thuận phân chia tài sản (nếu có) là giao dịch dân sự nên bà Q có quyền yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận những nội dung kháng cáo của bị hại.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; chấp nhận yêu cầu rút một phần kháng cáo của bị hại; không chấp nhận kháng cáo của bị hại cũng như ý kiến của Luật sư; có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại không kháng cáo nên không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, trong quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo nộp 21.000.000 đồng, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B đang quản lý sẽ được trừ nghĩa vụ bồi thường của bị cáo trong giai đoạn thi hành án.

[7] Về án phí: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 342; điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn V, chấp nhận yêu cầu rút một phần kháng cáo của bị hại Bùi Thị Q; không chấp nhận kháng cáo của bị hại Bùi Thị Q; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2019/HS-ST ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo xác định giá trị tài sản chiếm đoạt là 320.000.000 đồng của bị hại Bùi Thị Q.

2. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Văn V 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

4. Đối với số tiền khắc phục 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đang quản lý theo Biên lai thu số 000153 ngày 29/11/2019 sẽ được đối trừ nghĩa vụ bồi thường của bị cáo trong quá trình thi hành án.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Văn V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2019/HS-ST ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- CQTHA hình sự thành phố B (01b);
- CQĐT thành phố B (01b);
- VKSND thành phố B (01b);
- TAND thành phố B (02b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Chi cục THADS thành phố B (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Bị cáo (01b);
- Bị hại (01);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Danh